

Số: 12 CT/NQ-ĐHĐCĐ

Lai Châu, ngày 20 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 của CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 ngày 20 tháng 04 năm 2026;

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

Điều 1: Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2025		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
A	Giá trị SXKD	10³đ	41.740.702	40.364.890	96,7%
1	Giá trị sản xuất điện thương mại	10 ³ đ	41.740.702	40.364.890	
-	Sản lượng điện	Kwh	33.256.088	31.241.542	
-	Tổng giá trị sản lượng	10 ³ đ	41.740.702	40.364.890	
2	Giá trị xây lắp và kinh doanh khác	10 ³ đ	0	0	
B	Doanh thu	10³đ	38.269.404	37.374.898	97,7%
1	Doanh thu bán điện	10 ³ đ	38.269.404	37.374.898	97,7%
2	Thu nhập khác	10 ³ đ	0	0	
3	Doanh thu HĐTC	10 ³ đ	3.000	2.489	
C	Tổng chi phí sản xuất	10³đ	32.386.381	28.918.618	89,3%
C1	Các khoản chi phí TT	10³đ	25.167.598	21.946.096	
1	Chi phí nhân công vận hành nhà máy	10 ³ đ	2.436.812	2.556.771	
2	Chi phí sản xuất chung	10 ³ đ	10.247.506	6.946.981	
	Trong đó: Tiền thuế TN nước và dịch vụ MTR		5.054.028	4.912.806	
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	10 ³ đ	12.483.279	12.442.344	
C2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10³đ	1.983.202	1.995.934	
-	Chi phí tiền lương và bảo hiểm xã hội	10 ³ đ	1.437.296	1.284.972	

-	Chi phí vật liệu quản lý	10 ³ đ	77.094	75.052	
-	Chi phí đồ dùng văn phòng	10 ³ đ	21.190	12.810	
-	Thuế và lệ phí	10 ³ đ	8.700	11.303	
-	Chi phí dịch vụ thuê ngoài	10 ³ đ	133.013	153.477	
-	Chi phí dự phòng	10 ³ đ	0	0	
-	Thù lao HĐQT, BKS	10 ³ đ	114.000	289.500	
-	Chi bằng tiền khác	10 ³ đ	191.908	168.818	
C3	Chi phí lãi vay vốn	10³đ	5.235.580	4.976.588	
C4	Chi phí tài chính khác	10³đ	0	0	
D	Lợi nhuận trước thuế	10³đ	5.883.023	8.447.957	143,6%
E	Lao động và tiền lương				
-	Tổng số CBCNV bình quân	Người	16	16	
-	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 ³ đ	15.500	15.500	
F	Giá trị đầu tư	10³đ	0	0	
1	Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1	10³đ	0	0	
-	Chi phí tư vấn, khảo sát thiết kế	10 ³ đ	0	0	
-	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	10 ³ đ	0	0	
2	Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2	10³đ	0	0	
E	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	10³đ	0	0	

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận và Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

I. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC số: 060326.001/BCTC.KT5 ngày 06 tháng 03 năm 2026, như sau:

1. Tổng tài sản tính đến 31/12/2025:	208.148.749.338 đồng.
+ Tài sản ngắn hạn:	11.707.355.548 đồng.
+ Tài sản dài hạn:	196.441.393.790 đồng.
2. Tổng nguồn vốn tính đến 31/12/2025:	208.148.749.338 đồng.
+ Nợ phải trả:	80.432.876.426 đồng.
+ Vốn chủ sở hữu:	127.715.872.912 đồng.

Đại hội thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. Trong trường hợp Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC không thể thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty thì Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán được

UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

II. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025:

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 (lãi): 8.025.019.193 đồng.

Năm 2025 đơn vị đã tập trung tốt công tác quản lý vận hành phát điện nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (8MW), đồng thời triển khai các công việc tiếp theo cho việc đầu tư xây dựng dự án nhà máy Nậm Thi 1, từ năm 2021 đến nay công tác phát điện thương mại của nhà máy Nậm Thi 2 hàng năm đã có lãi, lợi nhuận sau thuế được bù lỗ cho các năm trước theo quy định.

Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025 đã có lãi 6,2 tỷ đồng, năm 2026 Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nậm Thi 1 (10MW) có tổng mức đầu tư là 365,24 tỷ đồng (trong đó vốn chủ sở hữu cần có của Công ty để thực hiện dự án là 109,6 tỷ đồng, tối thiểu 30%), do vậy Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội phương án không chia cổ tức mà để tái đầu tư tiếp tục xây dựng dự án nhà máy Nậm Thi 1.

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
A	Sản lượng và doanh thu		
1	Sản lượng phát điện thương mại	Kwh	33.256.088
2	Doanh thu tiền phát điện thương mại	10 ³ đ	38.437.176
3	Sản xuất kinh doanh xây lắp	10 ³ đ	0
B	Các khoản chi phí sản xuất	10³đ	32.109.658
I	Các khoản chi phí trực tiếp	10³đ	25.504.568
1	Chi phí tiền lương nhân công vận hành	10 ³ đ	2.419.598
2	Chi phí sản xuất chung	10 ³ đ	10.642.625
	<i>Trong đó: Chi phí thuế TN và DVMTR</i>	<i>10³đ</i>	<i>5.221.800</i>
3	Khấu hao TSCĐ hữu hình	10 ³ đ	12.442.344
II	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10³đ	2.384.376
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	10 ³ đ	2.036.376
	+ Thù lao HĐQT	10 ³ đ	348.000

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
	+ Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	10 ³ đ	0
III	Chi phí lãi vay	10³đ	4.220.713
C	Lợi nhuận trước thuế	10³đ	6.327.518
D	Lao động và tiền lương		
-	Tổng số CBCNV bình quân	Người	16
-	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 ³ đ	16.000
E	Kế hoạch đầu tư	10³đ	24.000.000
I	Dự án thủy điện Nậm Thi 1	10³đ	24.000.000
1	Công tác tư vấn, khảo sát thiết kế	10 ³ đ	4.000.000
2	Công tác đền bù giải phóng mặt bằng, trồng rừng thay thế	10 ³ đ	15.000.000
3	Chi phí xây dựng	10 ³ đ	5.000.000

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2025, phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2026:

1/ Việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty năm 2025 phải chi trả là:

TT	Tiền lương, thù lao trong năm	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	69.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	99.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	31.500.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	02	57.000.000
5	Thư ký	01	30.000.000
	Tổng cộng:		286.500.000

2/ Phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty năm 2026.

Năm 2026 Công ty tập trung quản lý vận hành phát điện nhà máy Nậm Thi 2, đồng thời thực hiện các công việc để triển khai đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1. Hiện nay dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 vận hành phát điện có doanh thu ổn

định và hàng năm đã có lợi nhuận, vì vậy Công ty quyết định mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 (kể cả thành viên kiêm nhiệm), cụ thể:

- + Chủ tịch HĐQT mức thù lao : 7.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT mức thù lao : 5.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên BKS, Thư ký mức thù lao : 3.000.000 đồng/tháng

Khi dự án hoàn thành vượt tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch: Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông phương án chi trả bổ xung mức thù lao trong năm và có kế hoạch khen thưởng cho Ban lãnh đạo Công ty.

Ghi chú:

- Điều kiện hưởng thù lao: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Phương thức thanh toán thù lao:

+ Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT được trả theo quý và hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.

+ Cuối năm căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm của Công ty để quyết toán mức chi trả thù lao cả năm.

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty năm 2025.

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ phục vụ đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.

6.1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

6.2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

6.3. Mã chứng khoán: S72

6.4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

6.5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 12.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.000.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

6.6. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) cổ phiếu

6.7. Tổng giá trị dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 96.000.000.000 đồng (Chín mươi sáu tỷ đồng)

6.8. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

6.9. Tổng số tiền huy động dự kiến: 96.000.000.000 đồng (Chín mươi sáu tỷ đồng)

6.10. Mục đích chào bán: Huy động nguồn vốn phục vụ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 tại xã Bình Lư - tỉnh Lai Châu.

6.11. Đối tượng chào bán: Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp theo quy định (Thời điểm chốt danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định).

6.12. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10: 8 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì sẽ được mua 08 cổ phiếu phát hành thêm).

6.13. Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

- Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần trong thời gian quy định (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba).

- Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên.

6.14. Phương thức phân phối: Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.

6.15. Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

6.16. Hạn chế chuyển nhượng:

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được chào bán cho nhà đầu tư khác sẽ chịu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

6.17. Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết:

- Cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bao gồm: (i) số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, (ii) số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).

- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi chào bán cho Nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ chịu hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Việc xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

6.18. Thời gian dự kiến chào bán:

Thời gian dự kiến thực hiện là trong năm 2026 và năm 2027, sau khi Ủy ban Chứng

khoản Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho Công ty.

6.19. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục điều chỉnh thông tin đăng ký chứng khoán với Tổng Công ty lưu ký và Bộ chứng khoán Việt Nam và thay đổi đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội phù hợp với số lượng cổ phiếu chào bán thành công theo đúng quy định pháp luật.

6.20. Sửa đổi Điều lệ: Thông qua việc sửa đổi mục vốn điều lệ tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về mức vốn điều lệ mới tương ứng với mức vốn điều lệ thực tế sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT thực hiện sửa đổi và ban hành Điều lệ mới như nội dung trên dựa theo tình hình thực tế.

6.21. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu, dự kiến là 96.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho việc đầu tư xây dựng Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 tại xã Bình Lư - tỉnh Lai Châu.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, đồng thời ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh Phương án sử dụng vốn chi tiết từ đợt chào bán phù hợp với tình hình đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Thi 1 của Công ty, thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

6.22. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án

Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ lựa chọn, điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án và cân nhắc phương án huy động vốn bổ sung từ các nguồn khác hợp lệ phù hợp với điều kiện của Công ty.

6.23. Ủy quyền

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn huy động được từ đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Tiến hành các thủ tục đăng ký chào bán theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hoặc thay đổi phương án theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện việc huy động vốn của Công ty theo quy định;
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp và xử lý cổ phần không bán hết (nếu có) để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty;
- Tiến hành thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở tài chính tỉnh Lai Châu (Phòng Đăng ký kinh doanh) sau khi hoàn thành chào bán cổ phần;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bộ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký thêm giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với toàn bộ số cổ phần chào bán;
- Các công việc khác có liên quan.

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua báo cáo về tổ chức nhân sự thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.224.746 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Điều khoản thi hành

Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng chức năng nhiệm vụ hoạt động của mình, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

Nơi nhận:

- Như điều 8
- Website Công ty
- Lưu VP/HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Hữu Nhuận



BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02
Trụ sở chính: Bản Chu Va 12 - xã Bình Lư - tỉnh Lai Châu
Giấy ĐKKD số: 5400232452 cấp lần đầu ngày 25/11/2004, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 ngày 03/11/2025.
Nơi cấp ĐKKD: Phòng Quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh - Sở Tài Chính Tỉnh Lai Châu
Thời gian tổ chức: Từ 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 4 năm 2026
Địa điểm tổ chức: Trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 - Bản Chu Va 12 - xã Bình Lư - tỉnh Lai Châu.

Giới thiệu Chủ tọa Đại hội: Ông Nguyễn Hữu Nhuận - Chủ tịch Hội đồng quản trị

A. PHẦN THỨ NHẤT - KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ông **Phạm Văn Phong** - Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Công ty công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

1.1. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 12.000.000 (mười hai triệu) cổ phần, tương đương 12.000.000 (mười hai triệu) phiếu biểu quyết.

1.2. Tính đến 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 4 năm 2026 số cổ đông ủy quyền và tham dự Đại hội có 08 cổ đông, đại diện cho 10.224.746 cổ phần, tương đương với 85,21% tổng số cổ phần hiện hữu của Công ty.

1.3. Tính đến trước giờ bỏ phiếu biểu quyết: 9h30 phút, số cổ đông phát sinh về dự Đại hội là: 0 cổ đông.

1.4. Tổng số cổ đông được mời tham dự: Toàn bộ cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 (mã chứng khoán S72) theo danh sách xác nhận người sở hữu chứng khoán ngày đăng ký cuối cùng 10/03/2026 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), đại diện cho 12.000.000 (mười hai triệu) phiếu biểu quyết của Công ty.

1.5. Tổng số cổ đông tham dự họp (trực tiếp và thông qua ủy quyền) là 8 cổ đông, đại diện cho 10.224.746 cổ phần, tương đương với 85,21% tổng số cổ phần hiện hữu của Công ty.

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 được tiến hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

II - Khai mạc đại hội

1. Thay mặt Ban tổ chức Ông **Phạm Văn Phong** thông qua các nội dung:

- Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Sông Đà 7.02 năm 2026.

Biểu quyết trực tiếp bằng phiếu biểu quyết, Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý: 10.224.746 cổ phần, tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

2. Giới thiệu và mời Đoàn chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội lên làm việc

a. Đoàn chủ tịch:

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông: Nguyễn Hữu Nhuận | - Chủ tịch Hội đồng quản trị. |
| 2. Ông: Nguyễn Cao Sơn | - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc |
| 3. Bà: Đặng Thị Hồng Hạnh | - Thành viên Hội đồng quản trị |

b. Ban Thư ký Đại hội:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| 1. Ông: Lê Văn Cường | - Trưởng ban thư ký |
| 2. Ông: Nguyễn Văn Cảnh | - Thành viên |

c. Ban kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử:

Ban tổ chức - đề cử các thành viên Ban Kiểm phiếu, bao gồm:

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| 1. Ông: Đinh Trọng Thê | - Trưởng Ban kiểm phiếu |
| 2. Ông: Phạm Văn Phong | - Thành viên |
| 3. Ông: Trịnh Danh Mạnh | - Người giám sát |

Đại hội nhất trí thông qua Đoàn chủ tịch tiến hành điều khiển đại hội, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu. Biểu quyết trực tiếp bằng phiếu biểu quyết, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý: 10.224.746 cổ phần, tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

B. PHẦN THỨ HAI - CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

I - Đoàn chủ tịch đã trình bày trước đại hội các nội dung sau:

- Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026.
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026.
- Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2025, trình phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2026.
- Báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát về công tác quản lý công ty của HĐQT và Ban giám đốc năm 2025
- Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ và phương án tăng vốn để phục vụ đầu tư xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.
- Báo cáo về Tổ chức nhân sự thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

II - Thảo luận và biểu quyết:

1. Phần ý kiến thảo luận, kiến nghị: Chủ tọa điều hành Đại hội đã tiến hành chỉ đạo và ghi nhận các nội dung thảo luận chi tiết trên tinh thần dân chủ, các cổ đông đã đóng góp ý kiến xác thực với các nội dung của đại hội:

- Công tác quản lý vận hành phát điện nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (8MW) cần được quan tâm hơn nữa trong việc đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ quản lý vận hành nhà máy, đáp ứng yêu cầu công việc thường kỳ và đáp ứng yêu cầu của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) về công tác vận hành an toàn và hiệu quả của nhà máy. Trong năm 2026 cần tuyển dụng và đào tạo bổ xung một số công nhân vận hành nhà máy còn thiếu của Nhà máy Nậm Thi 2, đồng thời để chuẩn bị nhân lực cho công tác quản lý vận hành dự án Nhà máy Nậm Thi 1 trong thời gian tới.

- Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn, quan tâm và bám sát hơn nữa về việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng cho dự án thủy điện Nậm Thi 1, đẩy nhanh tiến độ công tác đánh giá tác động môi trường (ĐTM), xin cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, ... để thực hiện được các công việc tiếp theo. Đề nghị UBND xã Bình Lư và phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng trình UBND xã Bình Lư phê duyệt, hoàn thiện hồ sơ để tiến hành chi trả, bồi thường GPMB theo quy định để thực hiện các công việc tiếp theo. Hoàn thiện hồ sơ GPMB bổ sung của dự án Nậm Thi 2 cũng như toàn bộ công tác GPMB của dự án Nậm Thi 1 sau khi hoàn tất công việc GPMB để xin cấp quyền sử dụng đất cho toàn bộ dự án.

- Toàn bộ diện tích đất sử dụng của 02 dự án Nhà máy Nậm Thi 1 và Nậm Thi 2 đều nằm trong diện tích đất giữa Bản Chu Va 12 (Bản người H'mông), nên việc đền bù giải phóng mặt bằng, quản lý sử dụng đất luôn rất phức tạp nhiều khó khăn, đề nghị HĐQT và ban lãnh đạo luôn quan tâm và cùng có phương án xử lý kịp thời, báo cáo chính quyền sở tại để cùng giải quyết tránh ảnh hưởng đến an toàn của công trình.

- Đối với việc tăng vốn điều lệ phục vụ công tác đầu tư xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1: Năm 2025, do một số điều kiện khách quan vẫn bị chậm tiến độ trong công tác xin chấp thuận chủ trương đầu tư, giải quyết những vướng mắc trong việc lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng, đánh giá tác động môi trường, ... chưa thể tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng dự án nên cũng chưa tăng được vốn điều lệ để phục vụ công tác đầu tư.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2022 đến nay, hàng năm đã có lợi nhuận, được bù đắp cho các khoản lỗ những năm đầu đưa dự án vào vận hành phát điện và không còn lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025), vì vậy Đại hội đồng cổ đông thống nhất quyết nghị không tăng vốn theo phương án phát hành riêng lẻ, điều chỉnh với phương án tăng vốn chào bán cho các cổ đông hiện hữu, đồng thời Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị, căn cứ vào điều kiện thời gian thực tế khi hoàn thiện các hồ sơ pháp lý để triển khai được dự án, lựa chọn thời điểm cần thiết phải tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại ĐHĐCĐ này. Thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán theo phương án đã phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa các nội dung phù hợp theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện việc tăng vốn của Công ty được thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026: Hiện nay dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 vận hành phát điện có doanh thu ổn định và hàng năm đã có lợi nhuận, vì vậy ĐHĐCĐ thống nhất mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (kể cả kiêm nhiệm), cụ thể:

+ Chủ tịch HĐQT mức thù lao	: 7.000.000 đồng/tháng
+ Thành viên HĐQT mức thù lao	: 5.000.000 đồng/tháng
+ Thành viên BKS, Thư ký mức thù lao	: 3.000.000 đồng/tháng

2. Kết quả biểu quyết:

2.1. Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm
a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:
+ Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:

+ Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.3. Lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026.

Đại hội thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026. Trong trường hợp Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC không thể thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty thì Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:

+ Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:

+ Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

+ Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.5. Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2026.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

- a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:
- + Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - + Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - + Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.6. Thông qua báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2025, đề xuất phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2026.

Năm 2026 Công ty tập trung quản lý vận hành phát điện nhà máy Nậm Thi 2, đồng thời thực hiện các công việc để triển khai đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1. Hiện nay dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 vận hành phát điện có doanh thu ổn định và hàng năm đã có lợi nhuận, vì vậy Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 (kể cả thành viên kiêm nhiệm), cụ thể:

- + Chủ tịch HĐQT mức thù lao : 7.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT mức thù lao : 5.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên BKS, Thư ký mức thù lao : 3.000.000 đồng/tháng

Khi dự án hoàn thành vượt tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch: Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông phương án chi trả bổ xung mức thù lao trong năm và có kế hoạch khen thưởng cho Ban lãnh đạo Công ty.

Ghi chú:

- Điều kiện hưởng thù lao: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Phương thức thanh toán thù lao:

+ Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT được trả theo quý và hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.

+ Cuối năm căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm của Công ty để quyết toán mức chi trả thù lao cả năm.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

- a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:
- + Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - + Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - + Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.7. Thông qua báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc năm 2025.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

- a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:
- + Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - + Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - + Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại

Đại hội.

b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.8. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ công tác đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.

a) **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

b) **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

c) **Mã chứng khoán:** S72

d) **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu

đ) **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 12.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.000.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

e) **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:** 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) cổ phiếu

ê) **Tổng giá trị dự kiến chào bán tính theo mệnh giá:** 96.000.000.000 đồng (Chín mươi sáu tỷ đồng)

g) **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu

i) **Tổng số tiền huy động dự kiến:** 96.000.000.000 đồng (Chín mươi sáu tỷ đồng)

k) **Mục đích chào bán:** Huy động nguồn vốn đối ứng phục vụ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 tại xã Bình Lư - tỉnh Lai Châu.

l) **Đối tượng chào bán:** Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp theo quy định (Thời điểm chốt danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định).

m) **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10: 8 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì sẽ được mua 08 cổ phiếu phát hành thêm).

n) **Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:**

- Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần trong thời gian quy định (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba).

- Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên

o) **Phương thức phân phối:** Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.

ô) **Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

p) **Hạn chế chuyển nhượng:**

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được chào bán cho nhà đầu tư khác sẽ chịu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

q) Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết:

- Cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bao gồm: (i) số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, (ii) số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).

- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi chào bán cho Nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ chịu hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Việc xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành

r) Thời gian dự kiến chào bán:

Thời gian dự kiến thực hiện là trong năm 2026 và năm 2027, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho Công ty.

s) Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán:

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục điều chỉnh thông tin đăng ký chứng khoán với Tổng Công ty lưu ký và Bộ chứng khoán Việt Nam và thay đổi đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội phù hợp với số lượng cổ phiếu chào bán thành công theo đúng quy định pháp luật.

t) Sửa đổi Điều lệ: Thông qua việc sửa đổi mục vốn điều lệ tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về mức vốn điều lệ mới tương ứng với mức vốn điều lệ thực tế sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT thực hiện sửa đổi và ban hành Điều lệ mới như nội dung trên dựa theo tình hình thực tế.

u) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu, dự kiến là 96.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho việc đầu tư xây dựng Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 tại xã Bình Lư - tỉnh Lai Châu.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, đồng thời ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh Phương án sử dụng vốn chi tiết từ đợt chào bán phù hợp với tình hình đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Thi 1 của Công ty, thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

v). Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án

Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ lựa chọn, điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án và cân nhắc phương án huy động vốn bổ sung từ các nguồn khác hợp lệ phù hợp với điều kiện của Công ty.

y) Ủy quyền

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn huy động được từ đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Tiến hành các thủ tục đăng ký chào bán theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hoặc thay đổi phương án theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện việc huy động vốn của Công ty theo quy định;

- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp và xử lý cổ phần không bán hết (nếu có) để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty;

- Tiến hành thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở tài chính tỉnh Lai Châu (Phòng Đăng ký kinh doanh) sau khi hoàn thành chào bán cổ phần;

- Tiến hành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký thêm giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với toàn bộ số cổ phần chào bán;

- Các công việc khác có liên quan.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

- a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:

- + Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- + Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- + Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

2.9. Thông qua báo cáo về tình hình tổ chức nhân sự thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 10.224.746 cổ phần, gồm

- a. Số hợp lệ: 10.224.746 cổ phần, trong đó:

- + Số đồng ý: 10.224.746 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- + Số không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- + Số không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- b. Số không hợp lệ: 0 cổ phần

C. KẾT LUẬN.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- + Đồng ý: 10.224.746 cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội.
- + Không đồng ý: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội.
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội.

Biên bản này được lập hồi 11h 20 phút ngày 20/4/2026

Đại hội kết thúc vào hồi 11h30 phút cùng ngày.

**T/M. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



Lê Văn Cường

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Hữu Nhuận